

Số 62/CV-NMCC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

V/v đăng tải các thông tin môi trường
của Nhà máy Bia Sài Gòn - Cử Chi lên
Website Tổng Công ty

**Kính gửi: - VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY
- BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY**

- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, ngày 07/07/2022 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 37, Điều 47, Điều 113 – Luật BVMT số 72/2020/QH14; Điều 102 – Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 10, Điều 43 – Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm công khai các thông tin liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất như sau:

Stt	Loại thông tin cần công khai	Hình thức công khai	Thời gian công khai	Mức xử phạt vi phạm
1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.	Công khai trên trang thông tin điện tử của chủ dự án đầu tư hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư	Cho đến khi lập Báo cáo tác động môi trường mới.	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng (Điểm b, Khoản 2, Điều 10 – NĐ 45/2022/NĐ-CP)
2	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ.		Đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới.	Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng (Điểm c, Khoản 3, Điều 43 – NĐ 45/2022/NĐ-CP)
3	Kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục.		Kết quả được công khai liên tục trong thời gian 30 ngày.	
4	Giấy phép môi trường		Sau khi được cấp giấy phép và đến khi có Giấy phép mới.	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng (Điểm b, Khoản 3, Điều 11 – NĐ 45/2022/NĐ-CP)

Do đó, kính đề nghị Văn phòng Tổng Công ty và Ban Công nghệ thông tin hỗ trợ công khai Giấy phép môi trường và các kết quả quan trắc môi trường định kỳ hằng năm (01 lần /quý) của Nhà máy lên Website của Tổng Công ty theo quy định. Nhà máy sẽ định kỳ cung cấp file scan bản chính các nội dung cần đăng tải.

Vị trí đăng tải: Mục **Truyền thông/ Công bố thông tin**.

Thời gian thực hiện: tháng 09/2023.

Người liên hệ:

Anh Nguyễn Huy Hùng – Chuyên viên Môi trường Nhà máy
Email : hungnh@sabeco.com.vn

Rất mong Văn phòng Tổng Công ty và Ban Công nghệ Thông tin kịp thời hỗ trợ Nhà máy thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KNCL

NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU LỘC



MS: 2402.1685-1687

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)



VIMCERTS 052

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Ngày đo đạc và lấy mẫu : 21/02/2024
Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Tấn Thịnh – Hữu Phúc
Ký hiệu PTN : 2402.0193/3-5
Vị trí đo đạc : KT1: Ống số 1 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi xuất gạo (VN2000: 0580106; 1214536)
KT2: Ống số 2 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi xuất malt (VN2000: 0580096; 1214540)
KT3: Ống số 3 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi nhập malt, gạo (VN2000: 0580205; 1214533)

Table with 8 columns: Stt, Chỉ tiêu, Đơn vị, Kết quả (KT1, KT2, KT3), QCVN 9:2009/BTNMT, cột B (Cmax = C*Kp*Kv), Phương pháp đo đạc/phân tích. Row 1: Bụi tổng, mg/Nm³, 18, 13, 16, 180, US EPA Method 5

Ghi chú:

- CVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
Cmax: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
Kp = 0,9: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng 20.000 < P ≤ 100.000 m³/h.
Kv = 1: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.

Đại diện phòng phân tích

[Signature]

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: BM.07.06.KK-KT
Lần ban hành: 08
Ngày ban hành: 16/10/2023

Trang: 1/1



MS: 2402.1688

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VIMCERTS
052

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CÙ CHI
 Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
 Ngày đo đạc và lấy mẫu : 21/02/2024
 Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Tấn Thịnh – Hữu Phúc
 Ký hiệu PTN : 2402.0193/6
 Vị trí đo đạc : **KT4: Ống khói thải lò hơi (VN2000: 0580145; 1214541)**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 9:2009/BTNMT, cột B ($C_{max} = C * K_p * K_v$) với $K_p = 0,9$; $K_v = 1$	Phương pháp đo đạc/phân tích
1	Thải lượng	m ³ /h	10219	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	17	180	US EPA Method 5
3	Nhiệt độ	°C	93	-	SOP-KT-HT-LH-8
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	156	765	SOP-KT-HT-LH-4
5	SO ₂	mg/Nm ³	29	450	
6	CO	mg/Nm ³	KPH (MDL = 1)	900	
7	CO ₂	%	10,50	-	
8	O ₂	%	6,78	-	

Ghi chú:

- CVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng $20.000 < P \leq 100.000$ m³/h.
- $K_v = 1$: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- Nhiên/nguyên liệu đốt: Dầu DO.
- KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Đại diện phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.
 - Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: BM.07.06.KK-KT
 Lần ban hành: 08
 Ngày ban hành: 16/10/2023



MS: 2402.1864

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VIMCERTS
052

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Kí hiệu mẫu : Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý (mương xả trạm quan trắc online)
Tọa độ: 0580641; 1214661

Ngày lấy mẫu : 21/02/2024

Cán bộ lấy mẫu : Việt Thắng – Hoàng Minh

Ký hiệu PTN : 2402.0193/2

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	31,3	40	SMEWW 2550 B :2023
2	pH, ở 25°C	-	8,58	6 - 9	TCVN 6492 :2011
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	41	50	SMEWW 2120 C :2023
4	TSS	mg/L	3	45	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	22	67,5	SMEWW 5220 C :2023
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	6	27	SMEWW 5210 B :2023
7	N-NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	2,0	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ B&C :2023
8	Tổng Nitơ	mg/L	7,6	18	TCVN 6638:2000
9	Tổng Phospho	mg/L	0,11	3,6	SMEWW 4500-P.B&D :2023
10	Sunfua	mg/L	KPH (MDL = 0,03)	0,18	SMEWW 4500 S ² .B&D :2023
11	Clo dư	mg/L	0,67	0,9	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (MDL = 0,5)	4,5	SMEWW 5520 B&F :2023
13	As	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	0,045	SMEWW 3114 C :2023
14	Hg	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,0045	SMEWW 3112 B :2023



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: BM.07.06-N+R

Lần ban hành: 08

Trang: 1/2

Ngày ban hành: 16/10/2023



MS: 2402.1864

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)



VIMCERTS 052

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc/ phân tích
15	Cd	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,045	SMEWW 3120 B :2023
16	Pb	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	0,09	SMEWW 3120 B :2023
17	Coliform	MPN/100mL	KPH (MDL = 2)	3000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016, TCVN 663-14:2018; TCVN 8880:2011

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Trong đó:

C_{max}: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, (mg/L).

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 mục 2,2.

K_q = 0,9 : Là hệ số Lưu Lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có Q ≤ 50 m³/s.

K_f = 1,0: Là hệ số theo Lưu Lượng nguồn thải có 500 < F ≤ 5000 m³/24h.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C (không áp dụng hệ số K_q và K_f đối với các thông số: pH, độ màu, CoLiform),

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Giám đốc



Huyah Ngọc Phương Mai



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
 - Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
 - Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: BM.07.06-N+R
 Lần ban hành: 08
 Trang: 2/2
 Ngày ban hành: 16/10/2023



MS: 2402.1683

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)



VIMCERTS 052

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI

Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Kí hiệu mẫu : Nước thải đầu vào (Bể điều hòa trạm xử lý nước thải)

Tọa độ: 0580634; 1214839

Ngày lấy mẫu : 21/02/2024

Cán bộ lấy mẫu : Việt Thắng – Hoàng Minh

Ký hiệu PTN : 2402.0193/1

Table with 5 columns: Stt, Chỉ tiêu, Đơn vị, Kết quả, Phương pháp đo đạc/phân tích. Rows include parameters like Nhiệt độ, pH, Độ màu thực, TSS, COD, BOD5, N-NH4+, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Sunfua, Clo dư, Dầu khoáng, Coliform.

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016, TCVN 663-14:2018; TCVN 8880:2011.

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng phân tích

Handwritten signature of Đỗ Lâm Như Ý

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM

Mã số: BM.07.06-N+R
Lần ban hành: 08
Trang: 1/1
Ngày ban hành: 16/10/2023